

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company

Năm báo cáo/Year: 2020

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 6000173846
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 16.136.900.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:
- Địa chỉ/*Address*: Thôn Thuận Sơn, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- Số điện thoại/*Telephone*: 02613 747053
- Số fax/*Fax*:.....
- *Website*: caphethuanan.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: TAN

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

* Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*). Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Thuận An.

Kết quả của phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An ngày 26/4/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Chi tiết kết quả bán cổ phần thông qua đấu giá như sau:

- + Số lượng nhà đầu tư trúng đấu giá: 04 nhà đầu tư;
- + Giá bán cổ phần bình quân: 57.450,9 đồng/cổ phần;
- + Tổng số cổ phần trúng đấu giá: 1.343.505 cổ phần;
- + Tổng số cổ phần đã bán được: 1.343.505 cổ phần, chiếm 83,26% vốn điều lệ; (Tổng số tiền thu được qua đấu giá: 77.185.610.505 đồng)
- Cổ phần bán cho CBCNV: 189.500 cổ phần, chiếm 11,74% vốn điều lệ;
- Cổ phần nhà nước nắm giữ: 80.685 cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ.
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần. Mã số doanh nghiệp: 6000173846. Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 07 năm 2010. Đăng ký thay đổi lần thứ: 1,

ngày 25 tháng 07 năm 2019 được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An (DNNN), ngày 25/7/2019. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN.

* Về đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom:

- Giấy Chứng nhận số 09/CPH/2019/GCNCP-VSD ngày 27/5 2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chứng nhận đăng ký cổ phiếu trúng đấu giá đã thanh toán;

- Công văn số 4638/VSD-ĐK ngày 27/5/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; V/v tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài;

Công văn số 4639/VSD-ĐK ngày 27/5/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; V/v đăng ký, lưu ký cổ phiếu trúng đấu giá;

- Quyết định số 334/QĐ-SGDHN ngày 03/6/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phần của Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An;

- Thông báo số 598/TB-SGDHN ngày 03/6/2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; Thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phần đăng ký giao dịch của Công ty TNHH MTV cà phê Thuận An. Cụ thể:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần cà phê Thuận An

+ Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông;

+ Mã chứng khoán: TAN;

+ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;

+ Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.343.505 cổ phần;

+ Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 13.435.050.000 đồng;

+ Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ Hai, ngày 10/6/2019;

+ Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 57.500 đồng/cổ phần.

- Công văn số 5517/UBCK-GSĐC ngày 12/9/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; V/v đăng ký công ty đại chúng.

- Công văn số 9220/VSD-ĐK ngày 07/10/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam V/v hồ sơ đăng ký lại thông tin sau khi chuyển thành công ty cổ phần - TAN.

- Thông báo số 446/TB – SGDHN ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Sở GDCK Hà Nội ; V/v ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu thay đổi đăng ký giao dịch của Công ty cổ phần cà phê Thuận An. Cụ thể:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu công ty cổ phần cà phê Thuận An

+ Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông;

+ Mã chứng khoán: TAN;

+ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;

+ Hình thức phát hành: Cổ phần nhà nước nắm giữ, cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hoá.

+ Số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch bổ sung: 270.185 cổ phiếu (Hai trăm bảy mươi nghìn một trăm tám mươi lăm cổ phiếu);

+ Tổng số lượng cổ phiếu được đăng ký giao dịch: 1.613.690 cổ phiếu (Một triệu, sáu trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi cổ phiếu)

+ Ngày giao dịch chính thức: Thứ 2, ngày 01/6/2021.

* Các sự kiện khác/*Other events:*

- Năm 2020 Công ty phát sinh thêm khoản tiền thuê đất, với số tiền ~ 1.995trđ/ năm.
- Tháng 9/2020 cổ đông Trịnh Quốc Bình chuyển nhượng cổ phần với số lượng: 433.500 cổ phần chiếm 26,86%.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

TT	Nội dung ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng cà phê	0126
2	Sản xuất và chế biến cà phê	1077
3	Mua – bán gạo	4631
4	Trồng cây ăn quả	0121

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

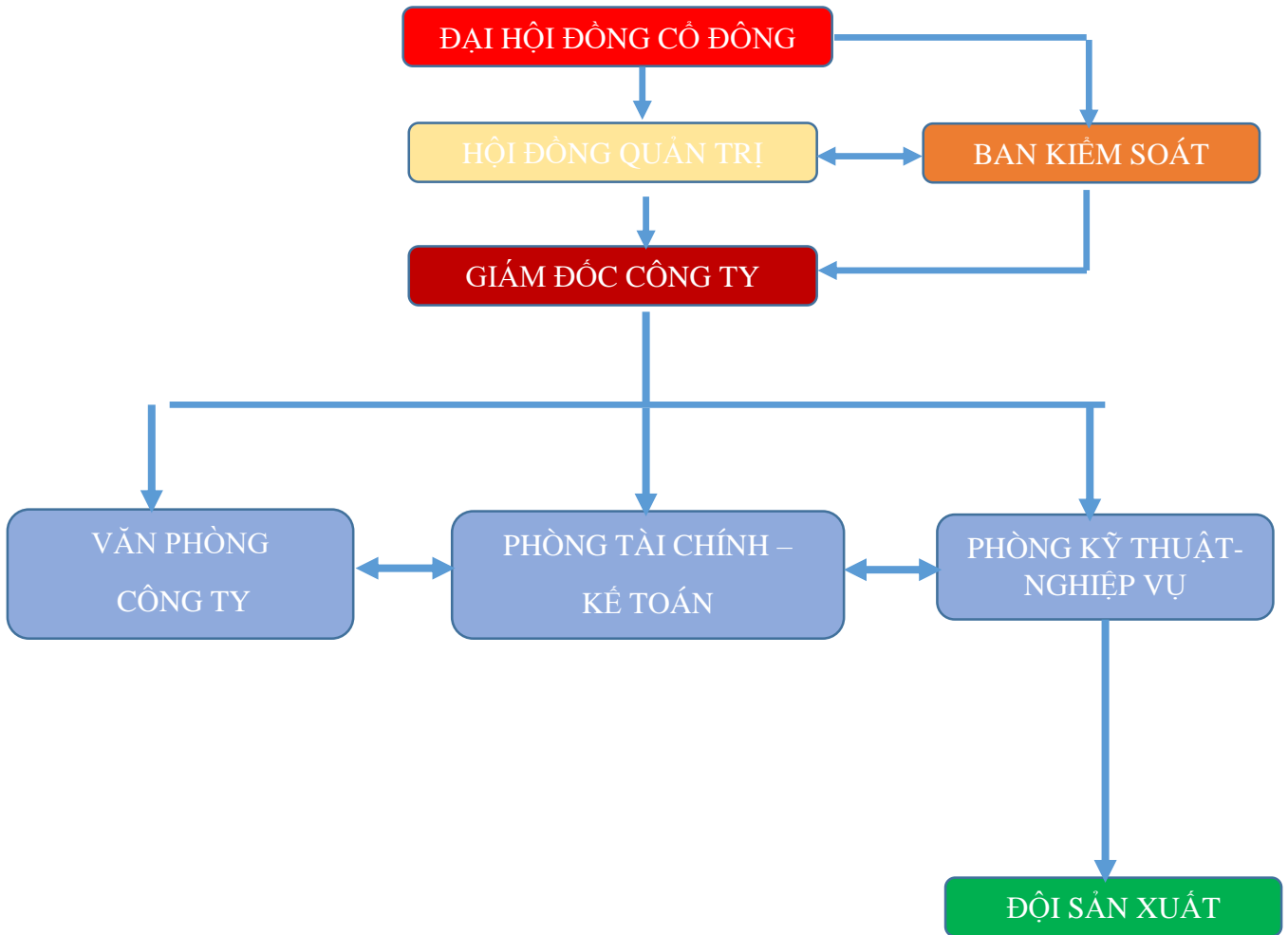
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/ *Governance model.*

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure.*

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THUẬN AN**



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Chưa có Công ty con, Công ty liên kết

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là triển khai phương án SXKD theo Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt nhằm sử dụng ổn định diện tích, lao động trong giai đoạn chuyển đổi. Năm 2020 Công ty đã thanh lý 97ha cà phê già cỗi hết chu kỳ khai thác chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Hiện tại đang thực hiện trồng cây ngắn ngày nhằm cải tạo đất sau khi thanh lý.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Công ty đang có kế hoạch thực hiện tái canh cây cà phê, trồng cây ăn quả trên diện tích cà phê già cỗi đã thanh lý theo định hướng sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

+ Hoàn thiện xây dựng quy hoạch phát triển nông sản xuất khẩu theo hướng bền vững và tương đối ổn định. Trên cơ sở đó, xác định quy hoạch sử dụng đất đai, nguồn nước, quy hoạch phát triển công nghiệp, phát triển thị trường, cơ sở hạ tầng. Quy hoạch sản xuất gắn liền với quy hoạch công nghiệp chế biến, quy hoạch vùng Tây Nguyên.

+ Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững: Chú trọng các vấn đề: ổn định dân cư, xóa đói giảm nghèo và giải quyết công bằng xã hội, phát triển giáo dục, đào tạo, giải quyết việc làm, phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe, cải thiện khả năng tiếp cận thông tin, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống.

+ Đẩy mạnh đầu tư thâm canh, tăng năng suất và chất lượng nông sản: Nâng cao vốn đầu tư, tăng khả năng các kênh thu hút vốn mà trọng tâm là kênh tín dụng. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; đẩy mạnh cơ khí hóa nông nghiệp, triển khai chương trình hóa học hóa, sinh học hóa trong phát triển nông sản xuất khẩu; nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động. Áp dụng các quy trình canh tác tiên tiến.

+ Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, gắn công nghiệp chế biến với vùng nguyên liệu: Xây dựng công nghiệp chế biến dựa vào nguồn nguyên liệu Dự án, đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất, từng bước hình thành các cơ sở chế biến tập trung. Đầu tư thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại để sản phẩm có chất lượng cao, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư phát triển công nghiệp chế biến.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng: đường giao thông, thủy lợi. Phát triển thị trường, ổn định giá cả và thương hiệu, xuất xứ hàng hóa, sản phẩm; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, cải tiến phương thức xuất khẩu. Thúc đẩy liên kết kinh tế theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, coi trọng lợi ích của nông dân. Đa dạng hóa các loại hình liên kết như: liên kết giữa doanh nghiệp chế biến với nông dân, liên kết Bốn nhà, liên kết sản xuất và tiêu thụ, liên kết các nhà xuất khẩu, ... Thực hiện các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội Tây Nguyên nói chung và phát triển nông sản xuất khẩu của vùng nói riêng.

+ Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nước trong sản xuất. Gắn việc tổ chức SXKD nông sản xuất khẩu với việc giữ gìn đa dạng hóa sinh học và bảo vệ môi trường sinh thái.

5. *Các rủi ro/ Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

+ Giá cả nông sản không ổn định dẫn đến thu nhập của người lao động không ổn định; nhu cầu sản phẩm của các thị trường không ổn định ảnh hưởng đến việc tiêu thụ nông sản.

+ Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào thời tiết, sự biến đổi khí hậu toàn cầu dẫn đến thời tiết khắc nghiệt ,rất khó khăn trong quá trình chỉ đạo sản xuất.

+ Môi trường phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên nhiều; rác thải ngày càng tăng cao, văn hóa xã hội, dân trí địa bàn Tây Nguyên thấp, ...

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

a/ Tình hình tài chính:

Tình hình thu – chi tài chính năm 2020 như sau:

Hạng mục nội dung	Đơn vị tính	Tổng thực hiện năm
Tổng dư đầu kỳ	Trđ	100
Tổng dòng tiền vào trong kỳ	Trđ	563.093
Tổng dòng tiền ra trong kỳ	Trđ	562.978
Tổng dư cuối kỳ	Trđ	215

Thu - chi chi tiết

Tổng dòng tiền vào	Trđ	563.093
Tiền thu từ bán hàng	Trđ	296.701
Tiền thu từ đi vay	Trđ	259.722
Tiền thu từ thanh lý vườn cây cà phê	Trđ	601
Tiền thu từ đền bù giải phóng mặt bằng	Trđ	1.243
Tiền thu từ LK SX	Trđ	2.705
Tiền thu từ hoạt động tài chính	Trđ	2.048
Tiền thu khác	Trđ	73
Tổng dòng tiền ra	Trđ	562.978
Tiền chi mua gạo	Trđ	291.411
Tiền chi đầu tư sx cà phê	Trđ	3.543
Tiền chi đầu tư sx chanh dây	Trđ	1.265
Tiền chi đầu tư sx khoai tây	Trđ	450
Tiền chi trả cho người lao động	Trđ	1.452
Tiền chi trả lãi vay	Trđ	3.411
Tiền chi nộp ngân sách NN	Trđ	1.589
Tiền chi trả nợ vay	Trđ	258.872
Tiền chi khác (nộp BHXH, HĐTX)	Trđ	985

- Trong năm đơn vị vay vốn: 258.872trđ để đầu tư mua – bán gạo.

- Năm 2020 đơn vị phát sinh chi phí tiền thuê đất phải trả: ~1,5 tỷ đồng
- Công ty sản xuất cà phê có tính chất đặc thù là chu kỳ sản xuất kinh doanh liên quan đến 02 niên độ tài chính: chăm sóc: từ tháng 01-10, bắt đầu thu hoạch từ cuối tháng 11-12, phơi sấy, bóc vỏ tháng 01 năm sau. Do đó, chi phí giá vốn năm 2020 là chủ yếu từ năm 2019 mang sang.

- Chi phí đầu tư sản xuất : Ban giám đốc, phòng TC – KT, phòng KT – NV xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật dựa trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả; sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn UTZ, tìm hiểu thị trường chào giá cạnh tranh những mặt hàng đơn vị có nhu cầu và lựa chọn đơn vị cung cấp có giá ưu đãi nhất; chỉ đạo sản xuất sát sao, phân công cán bộ theo dõi, bám sát đồng ruộng quản lý chặt chẽ vật tư, phân bón khi đưa xuống vườn cây.

- Ban Giám đốc, phòng TC – KT công ty quản lý chi phí trên nguyên tắc minh bạch, công khai, tiết kiệm, hiệu quả, chỉ tiêu những chi phí thật sự cần thiết cho hoạt động của đơn vị; kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện nhu cầu yêu phẩm của các phòng ban; tìm hiểu thị trường chào giá cạnh tranh những mặt hàng đơn vị có nhu cầu.

- Công ty không có các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi tồn đọng. Đối với các khoản nợ phát sinh phòng TC – KT thực hiện mở sổ sách theo dõi, phản ánh kịp thời các khoản nợ phải thu và tình hình biến động các khoản nợ chi tiết theo từng đối tượng, từng khoản nợ; đôn đốc thu hồi nợ dứt điểm, kịp thời, đúng thời gian qui định.

b/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kế hoạch SXKD của Công ty theo Phương án cổ phần hóa được xây dựng căn cứ vào hoạt động những năm 2018 trở về trước. Khi đó, diện tích cà phê khoán của Công ty đang thu ổn định. Khi chuyển sang công ty cổ phần toàn bộ diện tích cà phê khoán (hơn 160ha) đã già cỗi hết chu kỳ khai thác buộc Công ty phải thanh lý và chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Năm 2020 Công ty thanh lý 95ha và thực hiện liên kết trồng cây ngắn ngày trên diện tích đất thanh lý. Năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch covid 19 giá cả nông sản bấp bênh nên hiệu quả sản xuất kinh doanh rất thấp: cà phê giá bán < giá vốn. Trong năm đơn vị thực hiện phương án mua – bán gạo theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT với doanh thu: 292.882trđ, lợi nhuận thu được từ hoạt động này là: 130trđ.

Cụ thể Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 01/01 đến 31/12/2020 (Mẫu số: B02-DN):

Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	299.540.942.406
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	299.540.942.406
4. Giá vốn hàng bán	296.807.433.256
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	2.733.509.150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.069.082.797
7. Chi phí tài chính	3.445.828.450
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.445.828.450
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.822.264.106
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.465.500.609)
10. Thu nhập khác	1.844.426.597

11. Chi phí khác	334.019.600
13. Lợi nhuận khác	1.510.406.997
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	44.906.388
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	44.906.388

c/ Những tiến bộ đã đạt được:

- Cải cách về cơ cấu tổ chức: Tiếp quản nguyên trạng bộ máy quản lý, sắp xếp lại cán bộ phù hợp với vị trí chuyên môn, bố trí một người kiêm nhiệm nhiều việc, tuyển nhân viên kỹ sư nông nghiệp.

- Một số biện pháp kiểm soát rủi ro, tăng cường hiệu quả hoạt động: Trong thanh lý vườn cây già cỗi, bán cây cà phê, muông đen thực hiện theo phương thức đấu thầu rút gọn, chào hàng cạnh tranh đạt hiệu quả cao. Về công tác chỉ đạo, bảo vệ thu hoạch vụ 2020-2021, Công ty thực hiện theo phương pháp mới để quản lý, không bị thất thoát sản phẩm và tạo điều kiện tăng thêm thu nhập cho người lao động.

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2020 công ty thực hiện thêm hoạt động mua – bán gạo; trồng cây ngắn ngày mới: khoai tây, trồng chanh dây theo tiêu chuẩn Globalgap.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

+ Năm 2020 hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

+ So sánh năm 2019: Năm 2019 Công ty cổ phần hoạt động từ ngày 25/7/2019 – 31/12/2019 nên không có số liệu tương ứng để so sánh.

2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày, tháng, năm sinh	CMND, ngày, nơi cấp	Thường trú	Số cổ phần sở hữu
01	Lê Văn Một	Giám đốc	12/02/1978	245229777. CA Đăk Nông cấp: 01/4/2010	P. Nghĩa Tân, TP Gia Nghĩa, Đăk Nông	0

02	Đình Cư	KTT, TP TCKT từ ngày 01/01/2020 – 31/7/2020	10/3/1963	245098168. CA Đăk Nông cấp: 21/5/2015	TDP12, TT Đăk Mil, Đăk Mil, Đăk Nông	3.600
03	Lê Thị Định	KTT từ ngày 01/8/2020 – 31/12/2020	10/6/1985	245045365 CA Đăk Nông cấp ngày 15/10/2016	TDP 01, TT Đăk Mil, Đăk Mil, Đăk Nông	1.100
04	Phan Thế Thái	TP. KTNV kiêm ĐT Đội SX từ ngày 01/01/2020 – 31/7/2020	06/6/1960	245152276. CA Đăk Nông cấp: 02/8/2007	Thôn Thuận Hòa, Thuận An, Đăk Mil, Đăk Nông	3.900
05	Trần Ngọc Nguyên	PCVP, Phụ trách VP	28/4/1970	245366777. CA Đăk Nông cấp 11/11/2015	TDP12, TT Đăk Mil, Đăk Mil, Đăk Nông	2.400
06	Nguyễn Sỹ Anh	Phó P. KTNV	07/10/1991	183847572. CA Hà Tĩnh cấp 04/8/2009	Thôn Thuận Sơn, Thuận An, Đăk Mil, Đăk Nông	900
07	Trần Xuân Hùng	PCVP, Phó VP	20/11/1989	241055062 CA Đăk Lăk cấp 01/6/2019	Hòa Đông, Krông Pắc, Đăk Lăk	1.100
08	Trần Anh Sơn	Đội phó Đội SX	10/7/1991	241284931 CA Đăk Lăk cấp 17/6/2008	TDP12, TT Đăk Mil, Đăk Mil, Đăk Nông	800

Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year).

- Trong năm có 02 trưởng phòng nghỉ việc do hết hạn Hợp đồng lao động: Trưởng phòng TCKT và trưởng phòng KT_NV. Bổ nhiệm mới trưởng phòng TC – KT, phòng KT- NV phó phòng phụ trách.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.

Số lượng cán bộ công nhân viên lao động Công ty bình quân năm 2020 là 40 lao động. Cà phê giao khoán đến 31/12/2019 hết hạn hợp đồng giao khoán hộ nhận khoán hết hạn hợp

đồng trả lô cà phê lại cho Công ty và cà phê già cỗi hết chu kỳ khai thác buộc phải thanh lý. Cà phê sản xuất tập trung 54,437ha Công ty sắp xếp bố trí lại diện tích cho 25 công nhân nhằm tăng thêm thu nhập cho người lao động và giảm chi phí cho Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Trong năm 2020, Công ty thực hiện sản xuất chanh dây theo tiêu chuẩn GloBalGap với tổng giá trị đầu tư thời kỳ kiến thiết cơ bản là 1,2 tỷ đồng bắt đầu từ tháng 9/2020. Chu kỳ sản xuất của chanh dây kéo dài 02 năm.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

Công ty chưa có Công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2019	Năm/Year 2020	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	18.119.496.813	18.121.438.566	
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	1.079.982.000	299.540.942.406	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	- 655.595.643	-1.465.500.609	
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	714.023.561	1.510.406.997	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	58.427.918	44.906.388	

Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	18.845.047	44.906.388	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> Doanh thu/ <i>Revenue</i> Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i> Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i> Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2019	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i>	2,00 0,06	4,00 1,12	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,12	0,105	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0,14	0,118	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	0,16	1	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	0,067	16,3	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,017	0,00014	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,0013	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,0012	0,0024	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0	0	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
<i>1. Quy mô vốn/ Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			

- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
<i>3. Khả năng thanh khoản/ Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay

được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Tổng số cổ phần: 1.613.690 cổ phần đang lưu hành.

Trong đó: - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.424.190 cổ phần.

- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 189.500 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

- Cổ đông cá nhân lớn (04 cổ đông) tỷ lệ: 83,26%.

- Cổ đông cá nhân là CB CNV lao động (141 cổ đông) tỷ lệ: 11,74%.

- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Đắk Nông) tỷ lệ: 05,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Chưa có thay đổi trong kỳ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Chưa có giao dịch cổ phiếu quỹ trong kỳ.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

Không có Chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm nông nghiệp thô, Công ty chỉ nhập nguyên vật liệu như: vật tư lắp đặt hệ thống tưới nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ,
.....

Tên hàng	ĐVT	Nhap kho	Xuat kho	Cuoi ky
		Số lượng	Số lượng	Số lượng
		206.299,700	196.431,700	9.868,000
Bơm simge 3HP	Cái	1,000	1,000	0,000
Bao PP 120-125g	Cái	2.000,000	0,000	2.000,000
Bao PP 90-100g	Cái	1.000,000	1.000,000	0,000
Cáp Inox 6 ly	m	135,000	135,000	0,000
Cáp neo dây	Cái	15,000	15,000	0,000
Cầu dao điện	Cái	1,000	1,000	0,000
Cùm ống Inox	Bộ	1,000	1,000	0,000
Chế phẩm vi sinh đồ gốc can 5 lít	Can	115,000	88,000	27,000
Chế phẩm vi sinh cho cây hồ tiêu 4 lít	Can	22,000	12,000	10,000
Chế phẩm vi sinh SumTri	kg	35,000	35,000	0,000
Cút uPVC 60 - hệ inch	Cái	44,000	44,000	0,000
Cút uPVC 90M - hệ inch	Cái	5,000	5,000	0,000
Đầu bơm inox	Cái	1,000	1,000	0,000
Dây buộc đen (CD)	Cuộn	30,000	30,000	0,000
Dây buộc (CF)	kg	12,000	12,000	0,000
Dây điện loại 3x6 mm	Cái	135,000	135,000	0,000
Dây điện loại 50mm	m	660,000	660,000	0,000
Đầu nối 130-120	Cái	1,000	1,000	0,000
Đa lượng phun lá	Can	2,000	2,000	0,000
Cây chanh dây giống ĐL	Thùng	98,000	98,000	0,000
Giảm UPVC90	Cái	5,000	5,000	0,000
Cây khoai tây giống	kg	12.500,000	12.500,000	0,000
Phân Hữu cơ vi sinh	Gói	3.266,000	3.266,000	0,000
Hữu cơ vi sinh Vinga HC	kg	3.000,000	3.000,000	0,000
Phân bón hữu cơ Nippon Yuki	kg	30.000,000	22.200,000	7.800,000
K - Humat	kg	45,000	20,000	25,000
Dây Kẽm 2.0 ly	kg	2.477,000	2.477,000	0,000
Dây Kẽm 4.0 ly	kg	3.140,000	3.140,000	0,000
Kẽm Gai	kg	2.687,000	2.687,000	0,000
Keo dán ống nhựa UPVC loại 500g	Hộp	17,000	17,000	0,000
Lưới đen	kg	500,000	500,000	0,000
Lọc đĩa 60 ARKA	Cái	1,000	1,000	0,000
Nối nhỏ giọt vận	Cái	500,000	500,000	0,000

Ổng uPVC D27x1.8mm (hệ inch)	m	160,000	160,000	0,000
ổng uPVC D60x2.5mm (hệ inch)	m	1.400,000	1.400,000	0,000
ổng uPVC D60x2.8 mm (hệ inch)	m	724,000	724,000	0,000
ổng uPVC D60x3.0 mm (hệ inch)	m	200,000	200,000	0,000
Ổng uPVC D90x20 mm (hệ inch)	m	560,000	560,000	0,000
Ổng Đẹp Đạt Hòa 27	Cuốn	49,000	49,000	0,000
Ổng kẽm tròn phi 76	Ổng	10,000	10,000	0,000
Ổng nhỏ giọt 16mm	m	60.000,000	60.000,000	0,000
Ổng nước đen loại 40 mm	m	82,500	82,500	0,000
Ổng PVC loại 120mm	Ổng	2,000	2,000	0,000
Ổng PVC loại 130mm	Ổng	28,000	28,000	0,000
Péc 1 vế 2.8	Bịch	50,000	50,000	0,000
Phân kali	kg	15.700,000	15.700,000	0,000
Phân Lân Văn Điển	kg	27.850,000	27.850,000	0,000
Phân NPK 16-16-8	kg	1.500,000	1.500,000	0,000
Phân SA	kg	150,000	150,000	0,000
Phân Supper lân	kg	5.950,000	5.950,000	0,000
Phân Urê PM	kg	19.750,000	19.750,000	0,000
Phân YARA	kg	2.625,000	2.625,000	0,000
Tê nhỏ giọt	Cái	100,000	100,000	0,000
Tê thu uPVC 60x27 - hệ inch	Cái	326,000	326,000	0,000
Tê thu u PVC 90x60M- hệ inch	Cái	15,000	15,000	0,000
Thập ST60	Cái	5,000	5,000	0,000
Thép hộp mạ kẽm	kg	83,200	83,200	0,000
Thép ống mạ kẽm	kg	190,000	190,000	0,000
Trừ sâu vi sinh	Gói	36,000	30,000	6,000
Thuốc trừ bệnh Abamactin	Chai	10,000	10,000	0,000
Thuốc trừ bệnh Antra Col	Gói	24,000	24,000	0,000
Van uPVC 27 - hệ inch	Cái	326,000	326,000	0,000
Van UPVC 60	Cái	50,000	50,000	0,000
Van UPVC90	Cái	1,000	1,000	0,000
Van khởi thủy	Cái	840,000	840,000	0,000
Vi lượng phun lá	Can	2,000	2,000	0,000
Vôi	kg	5.050,000	5.050,000	0,000

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Công ty là doanh nghiệp nhỏ, lượng năng lượng tiêu thụ không đáng kể. Bao gồm:

+ Xăng ô tô con;

+ Điện sinh hoạt của Trụ sở Công ty; điện phục vụ cho tưới nước sản xuất

+ Nước sinh hoạt tự bơm từ giếng đào.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Không có.

6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

Nước dùng cho hoạt động SXKD: tưới tiêu cà phê và các cây ngắn ngày.

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Lượng nước dùng qua hợp đồng sử dụng nước (thủy lợi phí) với Công ty TNHH MTV QL khai thác các công trình thủy nông tỉnh Đắk Nông, Chi nhánh Đắk Mil.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không có.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không vi phạm.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không có.

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

+ Số lượng lao động bình quân trong năm: 41 lao động.

+ Tiền lương bình quân: .5.100.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Tham gia vào nộp đủ, đúng, kịp thời các chế độ của người lao động: BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí Công đoàn 2%. Đăng ký khám sức khỏe định kỳ cho người lao động hàng năm. Trang cấp BHLĐ, trang phục hàng năm; tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định. Chi hỗ trợ phúc lợi xã hội vào các ngày lễ lớn trong năm như: 8/3, 2/9, 20/10, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, v.v... các chế độ hiếu, hỷ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Chưa thực hiện.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Trong các dịp lễ, tết như: Lễ Giáng Sinh của Công nhân là ĐBDTTS tại chỗ Công ty thăm hỏi các hộ công nhân là ĐBDTTS và các nhà thờ trên địa bàn. Trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu Công ty đã ủng hộ Tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam Xã Thuận An 50 suất quà, trị giá: 400.000 đồng/suất. Tổng giá trị hỗ trợ 20 triệu đồng. Ngoài ra, HĐQT Công ty cũng có gửi quà thăm hỏi công nhân lao động vào dịp lễ, tết.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Chưa thực hiện.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Chưa thực hiện.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sản phẩm nông nghiệp, chủ yếu là cà phê nhân xô. Tuy nhiên cà phê chiếm 2/3 diện tích là cà phê già cỗi hết chu kỳ

khai thác buộc phải thanh lý. Niên vụ 2019-2020 Công ty thu được 140 tấn cà phê nhân xô nhưng năm 2020 do ảnh hưởng đại dịch covid 19 giá cả nông sản bấp bênh, giá bán cà phê < giá vốn, thị trường các sản phẩm nông nghiệp có lúc bị thu hẹp ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Số tiền thuê đất phát sinh ~1.5 tỷ đồng nên đơn vị bị động trong kế hoạch tài chính.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Tài sản của Công ty chủ yếu là vườn cây cà phê, năm 2020 nguyên giá tài sản cố định giảm 3.402trđ do thanh lý vườn cây cà phê già cỗi hết chu kỳ khai thác. Một số diện tích cà phê đang trong chu kỳ khai thác nhưng chất lượng vườn cây cà phê rất xấu khai thác không hiệu quả (khoảng 15ha) công ty có kế hoạch tái canh trong năm 2021.

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Năm 2020 công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả tồn đọng.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Không có nợ xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

Sắp xếp lại CBCNV phù hợp với vị trí chuyên môn, bố trí lại diện tích cho người lao động phù hợp hơn; quản lý, chỉ đạo công việc theo nguyên tắc thông qua đầu mối các phòng ban, thực hiện nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương, cấp dưới phục tùng cấp trên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Định hướng trong tương lai công ty tiếp tục tái canh cây cà phê xen cây ăn quả, thực hiện chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch chất lượng cao, xây dựng các nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu, tạo điều kiện phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch tại tỉnh nhà nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

Kiểm toán chấp nhận toàn phần

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

Công ty chấp hành nghiêm các quy định về môi trường. Tiêu thụ nước chỉ phục vụ tưới tiêu à phê và cây ngắn ngày đảm bảo nước phục vụ sản xuất không gây ảnh hưởng nguồn nước xung quanh; không có phát sinh nguồn rác thải gây ô nhiễm môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Thực hiện đầy đủ các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Luôn luôn quan tâm đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với địa bàn doanh nghiệp đóng chân.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Trong bối cảnh thị trường giá cả cà phê xuống thấp, cà phê công ty già cỗi thanh lý mất 2/3, giá cả các mặt hàng nông sản bấp bênh, công ty đang trong giai đoạn ổn định sản xuất, sắp xếp, định hướng CBCNV làm việc theo mô hình cổ phần,Song, hoạt động của Công ty được duy trì tương đối ổn định không bị xáo trộn, khai thác triệt để tài sản của Công ty, sử dụng tài sản mang lại hiệu quả.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

HĐQT đánh giá cao vai trò của Ban Giám đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, mặc dù Công ty đang giai đoạn khó khăn về mọi mặt nhưng với sự nỗ lực, nâng cao vai trò trách nhiệm của Giám đốc Công ty bước đầu mang lại hiệu quả. Năm 2020 tập trung đẩy mạnh công tác bảo vệ đất đai, bảo vệ sản phẩm thu hoạch, cắt giảm chi phí không hợp lý để đảm bảo an toàn vốn cho Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- HĐQT xác định, việc sản xuất trồng và chăm cà phê vẫn là trọng tâm trong hoạt động kinh doanh của công ty, chú trọng sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch

- HĐQT tăng cường chỉ đạo việc rà soát, kiện toàn công tác quản lý, kiểm soát nội bộ, tăng cường kiểm soát chi phí, bảo vệ đất đai, tổ chức tiến hành trồng cây ngắn ngày để bù đắp các khoản chi trả tiền thuê đất, quản lý doanh nghiệp nhằm đảm bảo hiệu quả hơn trong việc sử dụng vốn.

- Phối hợp cùng Ban điều hành xem xét, cơ cấu lại sản xuất cho phù hợp với thực tế. Giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, từng bước cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho người lao động.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

TT	Tên TV HĐQT	Giấy ĐKKD/CMND	Ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ
1	Nguyễn Ngọc Nghị	001075002541	Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và quản lý quốc gia về dân cư cấp ngày 29/9/2014	Xóm 5 - xã Ninh Hiệp - Gia Lâm - Hà Nội
2	Lê Văn Một	245229777	CA tỉnh Đắk Nông cấp ngày 01/04/2010	TDP.2 – Đường Nguyễn Tất Thành – P. Nghĩa Tân – TP. Gia Nghĩa
3	Nguyễn Đức Duy	013337447	CA TP. Hà Nội cấp ngày 24/7/2010	Xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, TP Hà Nội
4	Trịnh Thị Mai Dung	011843838	CA TP. Hà Nội cấp ngày 14/7/2012	Số 8, ngõ 107, phố Long Biên 1, P. Ngọc Lâm

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

- Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị họp thường kỳ 01 quý họp 01 lần. Tất cả các cuộc họp đều được chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến từng thành viên trước cuộc họp.

- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 08 cuộc họp nhằm kiểm tra tình hình thực hiện và đưa ra các mục tiêu, biện pháp làm cơ sở cho Giám đốc thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ đề ra. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp để thống nhất chủ trương về kế hoạch sản xuất kinh doanh

năm 2020 và kế hoạch năm 2021 công ty CP Cà phê Thuận An; thống nhất chọn đơn vị kiểm toán; thống nhất chủ trương cho thanh lý vườn cây cà phê hư hỏng, tuyến trùng gây hại và năng suất kém tại khu vực 1 với quy mô 14,061 ha; cho ý kiến về việc bổ nhiệm kế toán trưởng và trưởng phòng kỹ thuật nghiệp vụ công ty...;

- Ngoài các cuộc họp HĐQT trên, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề có liên quan đến các định hướng về quản trị doanh nghiệp và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty;

- Ngoài ra, trong năm có 01 thành viên Hội đồng quản trị viết đơn xin từ nhiệm, hiện tại số lượng thành viên HĐQT còn 04 người.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

Các thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

Ban Kiểm soát:	
Ông: Ngô Hồng Minh	Trưởng ban
Ông: Nguyễn Anh Tuấn	TV. Ban kiểm soát
Ông: Lương Thanh Bình	TV. Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát không sở hữu cổ phần Công ty.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Trong năm 2020, Ban kiểm soát Công ty đã họp 02 phiên để triển khai các chức năng, nhiệm vụ của Ban, ngoài ra các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi thông

nhất qua điện thoại và e-mail. Nội dung các phiên họp của Ban Kiểm soát đều được các thành viên thống nhất thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

Thù lao HĐQT, BKS năm 2020:

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)
1/	Hội đồng quản trị:		120.000.000
-	Ông: Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch HĐQT	30.000.000
-	Ông: Lê Văn Một	TV. HĐQT	24.000.000
-	Ông: Nguyễn Đức Duy	TV. HĐQT	24.000.000
-	Bà: Nguyễn Thị Thu Hà	TV. HĐQT	12.000.000
-	Ông: Bùi Minh Tuấn	TV. HĐQT	18.000.000
-	Bà: Trịnh Thị Mai Dung	TV. HĐQT	12.000.000
2/	Ban Kiểm soát:		39.000.000
-	Ông: Ngô Hồng Minh	Trưởng ban	15.000.000
-	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	TV. Ban kiểm soát	12.000.000
-	Ông: Lương Thanh Bình	TV. Ban Kiểm soát	12.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

Trong năm tài chính không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

Trong năm tài chính không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

Thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cà phê Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Một